TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày 29 - 7 - 2025
"*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 692/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 21, khóm Vĩnh Đông, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bị đơn: ông Mạc Văn Đ, sinh năm: 1977 và bà Lâm Thúy L, sinh năm: 1981; cùng địa chỉ: tổ 08, khóm Vĩnh Tây 3, phường S, thành phố C, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị C trình bày: Ngày 04/11/2022, bà C có cho ông Đ, bà L vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Đến hạn vay, ông Đ, bà L đã trả đủ cho bà C số tiền này. Đến ngày 15/01/2023, bà C tiếp tục cho ông Đ, bà L vay 50.000.000 đồng, không tính lãi suất, mục đích vay để ông Đ, bà L sửa nhà, thời hạn vay là sau tết Nguyên đán năm 2023 (khoảng tháng 1/2023 âm lịch) sẽ trả cho bà C, khi vay có lập biên nhận nợ do ông Đ viết và có ông Đ, bà L ký tên xác nhận nhưng đến hạn, ông Đ, bà L không trả nợ cho bà C như thỏa thuận. Ngoài ra, khoảng tháng 12/2022, bà C có bán một số bàn bằng đá hoa cương và ghế nhựa để bán quán cà phê cho vợ chồng ông Đ, bà L, tổng

cộng khoảng 15.000.000 đồng nhưng bà C không nhớ cụ thể từng loại bao nhiêu tiền. Do số tiền bán bàn ghế và tiền vay cộng lại nên ngày 11/12/2023, bà L có viết biên nhận nợ bà C tổng cộng 65.000.000 đồng. Do việc bán bàn ghế, bà C không nhớ rõ nên tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là 15.000.000 đồng, bà C chỉ yêu cầu ông Đ, bà L trả cho số nợ vay là 50.000.000 đồng, không có yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mạc Văn Đ trình bày: Vào ngày 15/01/2023, ông Đ, bà L có vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ viết tay. Các bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 3.500.000 đồng/tháng, không nhớ rõ đã đóng được bao nhiêu tháng, sau đó, bà L nói chuyện điện thoại với bà C chốt lại số nợ 65.000.000 đồng (vốn 50.000.000 đồng +lãi 15.000.000 đồng). Nay, do gia đình khó khăn nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến hết số nợ vốn 50.000.000 đồng và xin không tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành đối chất, hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đồng thời xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ khác để cung cấp bổ sung.

- Bị đơn ông Đ, bà L thống nhất có nợ bà C số tiền 50.000.000 đồng, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

+ Về giải quyết vụ án: Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên là tự nguyện, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ bị đơn (ông Đ, bà L) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn thừa nhận có nợ vốn vay như nguyên đơn trình bày. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn (ông Đ, bà L) trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu xin được trả dần của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét, sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

Đối với yêu cầu nguyên đơn về số tiền 15.000.000 đồng, theo nguyên đơn đây là tiền nợ mua bán bàn, ghế nhưng do không xác định giá chính xác nên nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền này nên căn cứ Điều 244 BLTTDS năm 2015 đình chỉ.

Từ những phân tích trên căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật tố dụng dân sự; đề xuất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ, bà L trả nợ vay. Bị đơn có nơi cư trú tại Vĩnh Tây 3, phường S, thành phố C (nay là phường Vĩnh Tế) nên yêu cầu kiện khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng. Xét yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C:

Bà C yêu cầu ông Đ, bà L cùng có trách nhiệm trả số vốn vay 50.000.000 đồng. Xét thấy, theo biên nhận nợ ngày 15/01/2023 thể hiện ông Đ, bà L có vay 50.000.000 đồng của bà C, phía dưới có chữ ký và viết họ tên của ông Đ, bà L. Đồng thời, ông Đ, bà L thừa nhận vợ chồng có vay 50.000.000 đồng của bà C nhưng chưa có khả năng trả. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa bà C và ông Đ, bà L được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Ông Đ, bà L là vợ chồng, vay tiền của bà C để sửa nhà, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà L có trách nhiệm liên đới trả nợ vay 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tiền lãi đã trả: Ông Đ cho rằng khi vay có đóng lãi cho bà C nhưng không nhớ rõ đã trả được bao nhiêu tháng, không có lập biên nhận, không có tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh và không được bà C thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Bà C không yêu cầu tính lãi là có lợi cho ông Đ, bà L nên xét chấp nhận.

[5] Về phương thức thanh toán: Ông Đ, bà L yêu cầu được trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được bà C chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ, bà L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C:

Buộc ông Mạc Văn Đ, bà Lâm Thúy L có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị C số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Mạc Văn Đ, bà Lâm Thúy L trả số tiền 15.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà C số tiền 1.625.000 *(một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai 0006025 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – An Giang).

Ông Mạc Văn Đ, bà Lâm Thúy L phải chịu 2.500.000 *(hai triệu năm trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà C, ông Đ, bà L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát KV13 (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS KV13-AG (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam